

Số: 01/2021/QĐST-DS

Tuần G, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Trung K, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khố Đoàn K, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên

Bị đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khố Đoàn K, thị trấn Tuần G, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm trả nợ: Bà Lê Thị Ng có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Trung K số tiền 360.000.000 đồng gốc (Ba trăm sáu mươi triệu) và tiền lãi suất là 17.500.000 đồng, kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2021. Lãi suất chậm trả được tính theo thỏa thuận là 12%/năm của khoản tiền gốc (360.000.000 đồng).

2.2. Về tiền lãi chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25 tháng 02 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Ng không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận, ông Lê Trung Kiên có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Lê Thị Ng phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi

suất phát sinh do chậm trả tiền theo thỏa thuận là 12%/năm của khoản tiền gốc.

2.3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Lê Trung K và bà Lê Thị Ng mỗi người phải chịu 4.718.750 đồng (Bốn triệu, bảy trăm mười tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông K được khấu trừ vào số tiền 9.400.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần G theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/05704 ngày 15/12/2020, ông Lê Trung K được trả lại số tiền 4.681.250 (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Bà Lê Thị Ng chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Đình Hà